

## SỐ 6

*KINH BÁT-NÊ-HOÀN**Hán dịch: Vô Danh**QUYỂN THƯỢNG*

Nghe như vậy<sup>3</sup>:

Một thời Phật du hóa tại núi Diêu<sup>4</sup>, thuộc thành Vương xá, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, cùng với nước Việt-kỳ không hòa thuận. Nhà vua tập họp quần thần cùng bàn bạc:

“Nước Việt-kỳ cậy mình giàu có, dân chúng đông đúc, đất đai phì nhiêu, lại có nhiều châu báu nên không chịu thần phục ta. Vậy hãy đem binh chinh phạt nước ấy.”

Trong số các bậc Hiền thiện của nước Ma-kiệt có một đại thần tên Vũ-xá vốn thuộc chủng tộc Phạm chí. Vua A-xà-thế sai ông đến dẫn lễ ra mắt Đức Phật, kính hỏi thăm tin tức, Ngài ngồi đứng có nhẹ nhàng không, đi lại có khỏe mạnh không, đức hóa ngày có càng tốt đẹp không và thưa:

“Vua A-xà-thế của nước Ma-kiệt cùng với nước Việt-kỳ có sự hiềm khích, vua quan cùng bàn luận muốn đem quân sang đánh nước ấy, cúi mong Đức Chúng Hựu<sup>5</sup> có lời gì dạy bảo chăng?”

Đại thần Vũ-xá vâng mệnh vua, liền cho năm trăm cỗ xe, hai ngàn người đi bộ, hai ngàn người cưỡi ngựa tất cả cùng đi đến núi Diêu. Tới chỗ giáp con đường nhỏ Vũ-xá liền xuống xe đi bộ. Thấy Đức Phật

<sup>1</sup>. Bản Hán, *Bát-nê-hoàn kinh*, quyển thượng, Đông Tấn, vô danh dịch. Đại I, No. 6 tr.176a-183b. Tham chiếu, *Phật Thuyết Trường A-hàm kinh*, quyển 2, Hậu Tấn Hoàng thỉ niên Phật-đà-da-xá cộng Trúc Phật Niệm dịch, ‘Đệ nhất phần sơ Du Hành kinh Đệ nhị’. Đại I, No. 2(1) tr.11a-16b.

<sup>2</sup>. Bản Hán: Quyển thượng kinh Bát-nê-hoàn.

<sup>3</sup>. Nguyên văn: Văn như thị 聞如是.

<sup>4</sup>. Diêu sơn 鷲山; No.1(2), Kỳ-xà-quật sơn. Các tên riêng phần lớn giống như No.5. Xem các cht. liên hệ từ 4→7, số hiệu 5 *Kinh Phật Bát-nê-hoàn*, quyển thượng.

<sup>5</sup>. Chúng Hựu 眾祐; phổ thông dịch là Thế Tôn.

hoan hỷ, sắc diện khiêm cung, từ tốn; thần khí trang trọng, nhún nhường, Vũ-xá liền vái chào đúng lễ nghi rồi quỳ mọp mà bạch rằng:

“Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt, sai con đến đánh lễ Đức Phật, cung kính hỏi thăm tin tức, Ngài ngồi đứng có nhẹ nhàng không, đi lại có khỏe mạnh không, đức hóa ngày có càng tốt đẹp không?”

Đức Phật đáp:

“Rất tốt! Nhà vua, dân chúng trong nước cùng ông thấy đều bình an chẳng?”

Vũ-xá bạch:

“Nhà vua cùng với nước Việt-kỳ có điều hiếm khích. Vua và các quan họp lại bàn bạc: ‘Vì nước ấy cậy mình giàu có, dân đông, đất đai phì nhiêu, sản sinh ra nhiều châu báu, nên không chịu thuận phục nước Ma-kiệt. Vì vậy vua nước Ma-kiệt muốn đem quân sang đánh. Cúi mong Đức Phật dạy bảo.’”

Đức Phật nói với vị đại thần:

“Ngày xưa, một thời ta từng du hóa ở nước Việt-kỳ, dừng chân nơi miếu thần Chánh táo<sup>6</sup>, thấy dân chúng nước ấy đều hết lòng tuân theo lệnh vua. Khi ấy ta liền nói về bảy pháp trị nước, là con đường không nguy vong. Nếu ai thực hành được, thì ngày càng hưng thịnh, không hề suy tổn.”

Đại thần Vũ-xá liền chắp tay bạch:

“Con muốn được nghe bảy pháp ấy và cách thức thi hành như thế nào?”

Đức Phật dạy:

“Hãy lắng nghe!”

Đáp:

“Con xin thọ giáo.”

Khi ấy, Hiền giả A-nan đứng phía sau quạt hầu Phật. Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Người có nghe người nước Việt-kỳ thường cùng nhau tụ hội, bàn luận về chính sự, tu chỉnh phòng bị để tự thủ chẳng?”

Đáp:

---

<sup>6</sup> Chánh táo thần xá 正躑神舍; trong bản Pāli tương đương, Phật đã từng giảng bảy pháp bất thối cho người Bạt-kỳ tại thần miếu Sārandada-cetiya. Xem cht.11, số hiệu 5, sdd.

“Con có nghe người nước họ thường cùng nhau tụ hội để bàn luận về chính sự, tu chỉnh phòng bị để tự thủ.”

Đức Phật dạy:

“Nếu như vậy thì nước ấy không thể suy thoái.”

“Người có nghe ở nước Việt-kỳ, vua tôi thường hòa thuận, trung thành với trách nhiệm, cùng tôn kính, cúng dường nhau<sup>7</sup> chẳng?”

Thưa:

“Con có nghe vua tôi nước ấy thường hòa thuận, trung thành với trách nhiệm, cùng tôn kính, cúng dường nhau.”

“Người có nghe dân nước Việt-kỳ cùng nhau tôn trọng pháp luật, không chấp nhận những điều không đáng được chấp thuận; không dám trái phạm chẳng<sup>8</sup>?”

Đáp:

**“Con nghe dân chúng nước ấy tôn trọng luật pháp, không chấp nhận những điều không đáng được chấp thuận; không dám trái phạm.”**

“Người có nghe dân nước Việt-kỳ kính cẩn giữ đúng lễ, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ kính nhường lẫn nhau chẳng?”

Đáp:

“Con có nghe dân nước Việt-kỳ kính cẩn giữ đúng lễ, nam nữ sống riêng biệt, lớn nhỏ kính nhường lẫn nhau.”

**“Người có nghe dân nước Việt-kỳ hiếu thuận đối với cha mẹ, tôn trọng sư trưởng, luôn nghe lời dạy bảo của các bậc trưởng thượng chẳng?”**

Đáp:

“Con có nghe dân nước ấy hiếu thuận đối với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, luôn nghe lời dạy bảo của các bậc trưởng thượng.”

“Người có nghe dân nước Việt-kỳ vâng theo phép trời, noi theo phép đất, kính sợ quỷ thần, kính thuận bốn mùa chẳng?”

Thưa:

“Con có nghe dân nước ấy vâng theo phép trời, noi theo phép đất, kính sợ quỷ thần, kính thuận bốn mùa.”

<sup>7</sup>. Hán: chuyển tương thừa dụng 轉相承用. Xem cht.11, số hiệu 5, sdd.

<sup>8</sup>. Hán: vô thủ vô nguyện 無取無願. Xem cht.12, sdd.: nt.

“Người có nghe dân nước Việt-kỳ tôn thờ đạo đức, trong nước có các bậc Sa-môn, A-la-hán<sup>9</sup> hoặc chư vị ấy từ bốn phương đến thì luôn cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm và thuốc chữa bệnh chẳng?”

Thưa:

“Con có nghe dân nước ấy kính thờ đạo đức, trong nước có các bậc Sa-môn, A-la-hán, hoặc chư vị ấy từ bốn phương đến thì luôn cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm và thuốc chữa bệnh.”

Đức Phật dạy:

“Phàm nước nào thực hành bầy pháp này, thì khó làm cho họ nguy khốn được.”

Vũ-xá thưa:

“Nếu dân nước Việt-kỳ thực hành được một pháp thôi thì hãy còn không thể công phá nổi, huống chi là thực hành đủ bầy pháp ấy.”

Vũ-xá lại thưa:

“Vì việc nước quá bề bộn nên con xin cáo từ.”

Đức Phật bảo:

“Ông nên biết thời.”

Vũ-xá liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đức Phật rồi ra đi.

Bấy giờ Đức Phật bảo Hiền giả A-nan, hãy báo cho các Tỳ-kheo ở trong núi Diêu biết, tất cả tập họp tại giảng đường.

Hiền giả A-nan liền triệu tập đông đủ các Tỳ-kheo tại giảng đường. Đại chúng cung kính đảnh lễ Đức Phật rồi ngồi sang một bên.

Đức Phật dạy:

**“Này các Tỳ-kheo! Hãy nghe ta nói, hãy khéo suy nghĩ, lãnh hội.”**

Tất cả Tỳ-kheo đều bạch:

“Chúng con xin thọ giáo.”

Đức Phật dạy:

“Tỳ-kheo có bầy giáo pháp thì Chánh pháp không suy thoái. Những gì là bầy?”

“1. Thường xuyên tụ hội để tụng giảng kinh đạo, không được biếng nhác.

---

<sup>9</sup> Hán: Ứng chơn 應真, tức A-la-hán.

“2. Phải hòa thuận, trung chánh, dạy bảo lẫn nhau, cùng tôn kính, cúng dường nhau.

“3. Không chấp nhận những điều không đáng được chấp thuận; vui thích ở những nơi chốn thanh vắng<sup>10</sup>.

“4. Phải dứt bỏ dâm dục, lớn nhỏ có thứ tự, đối xử nhau đúng lễ.

“5. Phải lấy lòng từ hiếu kính thờ các bậc Sư trưởng, nghe lời dạy bảo.

“6. Phải phụng thờ giới pháp, kính sợ kinh giới, tu tập phạm hạnh.

“7. Phải tuân theo đạo pháp, cúng dường Thánh chúng, khai mở cho kẻ mới tu học. Người đến học, phải cung cấp y phục, thức ăn uống, giường nằm cùng thuốc chữa bệnh cho họ.

**“Đó là bảy pháp có thể làm cho Chánh pháp được trụ lâu dài.**

“Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy điều cần phải giữ gìn thì Chánh pháp không suy thoái. Phải khéo suy tư, thực hành:

“1. Giữ sự thanh tịnh, không ưa thích các pháp hữu vi<sup>11</sup>.

“2. Giữ sự vô dục, không tham lợi dưỡng.

“3. Giữ nhẫn nhục, không có tranh tụng.

“4. Giữ hạnh Không<sup>12</sup>, không vào chỗ đông người.

“5. Giữ pháp ý, không khởi các tưởng.

“6. Giữ nhất tâm, tọa thiền, định ý.

“7. Giữ sự kiệm ước, ăn mặc giản dị, lấy cỏ làm giường.

**“Bảy pháp như vậy, có thể làm cho Chánh pháp được trụ lâu dài.**

“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, có bảy điều cung kính thì Chánh pháp không bị suy thoái. Phải khéo suy niệm, thực hành:

“1. Kính Phật, hãy khéo đem tâm lễ bái, không nương tựa vào đâu khác.

“2. Kính pháp, chí ở nơi ý đạo, không nương tựa vào đâu khác.

<sup>10</sup>. Sơn traich 山澤.

<sup>11</sup>. Hán; bất lạc hữu vi 不樂有為, không ham thích những hoạt động thế tục; Pāli: na kammārāmā bhavissanti.

<sup>12</sup>. Hán: không hạnh 空行; có lẽ chỉ A-lan-nhã hạnh, tức thích sống trong rừng thanh vắng; Pāli: bhikkhū na saṅgaṇikārāmā bhavissanti, nếu các Tỳ-kheo không thích quần tụ.

“3. Kính chúng Tăng, vâng theo lời dạy, không nương tựa vào đâu khác.

“4. Kính trọng sự tu học, kính thờ người trì giới, không nương tựa vào đâu khác.

“5. Kính trọng những điều hiểu biết, kính thờ những vị giảng dạy, không nương tựa vào đâu khác.

“6. Kính trọng sự thanh tịnh, vô dục, không nương tựa vào đâu khác.

“7. Kính trọng thiên định, dốc thực hành việc ngồi thiền, tĩnh lặng, không nương tựa vào đâu khác.

“Hành bảy pháp như vậy thì Chánh pháp có thể được trụ lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy thứ tài sản<sup>13</sup>, khiến cho Chánh pháp không suy thoái, phải khéo nhớ nghĩ, thực hành:

**“1. Phải có tín tâm, thấy biết điều chân chánh thì vui mừng.**

“2. Phải có giới pháp, thận trọng giữ gìn, không phạm.

“3. Phải có tâm xấu hổ, quyết sửa đổi lỗi lầm, tự hối hận về điều sai quấy đã vấp phải.

“4. Phải có tâm hổ thẹn, nói và làm phải phù hợp.

“5. Phải gắng học hỏi để hiểu biết, đọc tụng không nhầm chán.

“6. Phải có trí tuệ để sự hành hóa đạt đến chỗ sâu xa, vi diệu.

“7. Phải bố thí giáo pháp, chớ mong được mọi người kính lạy.

“Thực hành bảy pháp như vậy, thì Chánh pháp có thể được trụ lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy pháp giác ý<sup>14</sup> thì Chánh pháp không suy

<sup>13</sup>. Thất tài 七財, hay thất Thánh tài. Đối chiếu Pāli: satta-ariya-dhanāni: bhikkhū saddhā bhavissanti (Tỳ-kheo có tín),... hirimanā (có tà),... ottappī (có quý),... bahussutā (đa văn),... āradhaviyā (có tinh cần nghị lực),... upatthitassatī (an trụ chánh niệm),... paññāvanto (có trí tuệ).

<sup>14</sup>. Thaát giaùc yù 七覺意 (tòuc Thaát giaùc chi 七覺支, hay Boà-ñeà phaàn 菩提分): 1. Chí nieãm giaùc yù 志念覺倚; 2. Phaùp giaùc yù 法解覺倚; 3. Tinh taán giaùc yù 精進覺倚; 4. Aùi hyù giaùc yù 愛喜覺倚; 5. Nhaát hõùng giaùc yù 一向覺倚; 6. Duy ñòngh giaùc yù 惟定覺倚; 7. Haønh hoã giaùc yù 行護覺倚. Ñoái chieáu baùn Pāli: sattasambojjhaṅgā: bhikkhū satisambojjhaṅgam bhāvēssanti (Tỳ-kheo tu taáp nieãm giaùc chi);... dhamma

thoái, phải khéo nhớ nghĩ, thực hành:

- “1. Chí niệm giác ý, thanh tịnh không dâm, tịch tĩnh, phân tán ý<sup>15</sup>.
- “2. Pháp giải giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.
- “3. Tinh tấn giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.
- “4. Ái hỷ giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.
- “5. Nhất hướng giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.
- “6. Duy định giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.
- “7. Hành hộ giác ý, thanh tịnh không dâm, xả, phân tán ý.

“Thực hành bảy pháp như vậy, có thể làm cho Chánh pháp được trụ thế lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy điều cần phải biết<sup>16</sup>, thì Chánh pháp được trụ thế lâu dài, phải khéo nhớ nghĩ, thực hành:

“1. Phải hiểu biết về giáo pháp, đối với mười hai bộ kinh của Phật, phải thọ trì, tụng đọc thật kỹ.

“2. Phải hiểu biết về ý nghĩa, cầu các pháp để mở mang trí huệ, hiểu rộng chỗ cốt yếu.

“3. Phải hiểu biết về thời gian, hoàn cảnh lúc nào nên tụng kinh, lúc nào đi kinh hành, lúc nào tham thiền, lúc nào nằm nghỉ, đừng xáo trộn thời biểu.

“4. Phải tự tri, đã hội nhập nẻo hành hóa đúng pháp nhiều hay ít, sâu hay cạn, đã thành thực hay mới thực tập, quyết chí ngày một tiến bộ.

“5. Phải biết tiết chế, chớ tham lam các vật dụng tốt đẹp, phải biết thích nghi thân, điều độ trong việc ăn uống, đừng để thân mình bị bệnh.

“6. Biết rõ về các chúng. Khi đi vào chỗ những chúng Tỳ-kheo,

---

vicayasambojjhaṅgaṃ (traịch phaùp giaùc chí);...  
 viriyasambojjhaṅgaṃ (tinh taán giaùc chí);... pīṭṭisambojjhaṅgaṃ (hyū  
 giaùc chí);... passaddhisambojjhaṅgaṃ (khinh an giaùc chí);...  
 amādhisambojjhaṅgaṃ (chaùnh ñòngh giaùc chí),...  
 upekkhāsambojjhaṅgaṃ... (xaū giaùc chí).

<sup>15</sup>. Nguyên Hán: (...) tịch tĩnh, phân tán ý; No.1(10) kinh Thập thượng; y vô dục, y tịch diệt, y viễn ly.

<sup>16</sup>. Tham chiếu, No.26(1) *Trung A-hàm* “Thiện Pháp kinh”; No.27 *Thất Tri kinh*; Pāli: A.vii. 64 Dhamaññū.

Phạm chí, Thánh nhân, Quân tử và đám đông dân chúng, phải biết phân biệt biết chỗ nào đáng cung kính, chỗ nào nên đứng, chỗ nào nên ngồi, chỗ nào nên im lặng, chỗ nào nên nói năng.

“7. Biết về người. Hãy quán về chỗ tốt đẹp, xem xét ý chí, khả năng của từng người, theo đấy mà khuyến khích, dẫn dắt, khiến mọi người đều biết được chỗ giáo hóa của bậc Thánh.

“Thực hành bảy pháp như vậy, có thể làm cho Chánh pháp được trụ lâu dài.

“Lại nữa, Tỳ-kheo có bảy điều suy tưởng<sup>17</sup>, khiến cho Chánh pháp không suy thoái, phải khéo lãnh hội, thực hành:

“1. Nhớ nghĩ về kinh sách đạo pháp, như người tưởng nhớ về cha mẹ. Cha mẹ sanh con, lo lắng cực nhọc cả một đời, nhưng Chánh pháp thì cứu độ người trong vô số đời, đưa con người thoát khỏi sanh tử.

“2. Nhớ nghĩ về cuộc sống của con người, chẳng ai là chẳng khổ. Lo nghĩ về vợ con trong gia đình mình, chết rồi mỗi người ly tán một ngã, chẳng biết đọa lạc nơi nào. Nếu thân ta có tội thì quyến thuộc cũng không thể cứu. Biết nó là vô thường, nên nhớ nghĩ như vậy mà hành đạo.

“3. Nhớ nghĩ về sự tinh tấn, phải khiến cho thân, khẩu, ý luôn đoan nghiêm thì giữ đạo không khó khăn.

“4. Nhớ nghĩ đến sự khiêm cung, không tự kiêu, tự đại, phải vâng theo sự chỉ bảo của bậc minh triết, kính thuận lời răn dạy trước đây chưa được nghe, vì đấy là do lòng từ bi mà chỉ dạy.

“5. Nhớ nghĩ về sự hàng phục tâm ý, không chạy theo sáu tình, nên chế ngự ba độc tham dâm, giận dữ, si mê, không tạo tà hạnh.

“6. Nhớ nghĩ biết trong thân, toàn là đồ xú uế, chỉ là hơi lạnh máu nóng, có gì để tham đắm.

“7. Nhớ nghĩ về việc tự quán sát. Thân hình như đất bụi, nghĩ rằng nó có thể chết vào một ngày nào đó, kể từ mới tạo dựng trời đất, mạng sống con người từ xưa đến nay, không ai là không chết. Thế gian như mộng, nhìn thấy sự vật đáng yêu, đâu biết rằng nó chỉ như sự biến hóa, khi tỉnh ngộ mới rõ là không. Nên biết đó là huyền ảo, đừng để con mắt mình bị đánh lừa.

“Thực hành bảy pháp như vậy thì Chánh pháp được trụ lâu dài.

---

<sup>17</sup>. Thất duy 七惟. Bản Pāli có satta-saññā, bảy tưởng, nhưng nội dung hơi khác.



“Lại nữa, này các Tỳ-kheo, có sáu pháp tôn trọng<sup>18</sup> nên khéo nhớ nghĩ, thực hành, thì Chánh pháp có thể được trụ lâu dài.

“1. Tu tập về thân với tâm từ ái<sup>19</sup>; thực hành trọng nhiệm này, thấy đều lấy sự thanh tịnh hòa hợp của Thánh, bằng sự hòa kính, mà đối xử với những bạn người cùng học, đoàn kết không tranh cãi, cùng xây dựng lẫn nhau, cùng giữ gìn đạo hạnh<sup>20</sup>.

“2. Tu tập thiện hành của miệng<sup>21</sup> mà khởi tâm từ ái.

“3. Tu tập về ý, mà khởi tâm từ ái.

“4. Thọ nhận được các thứ y phục, thức ăn uống bình bát và những vật dụng khác một cách đúng pháp<sup>22</sup> không nên tiếc của, che giấu.

“5. Giữ giới không phạm, không vi phạm giới thì mới có thể dạy người được.

“6. Bằng chánh kiến để thành tựu sự xuất yếu<sup>23</sup> để ra khỏi sinh tử, chấm dứt khổ đau, đạt được tri kiến rốt ráo. Thực hành trọng nhiệm này, thấy đều lấy sự thanh tịnh hòa hợp của Thánh, bằng sự hòa kính, mà đối xử với những bạn người cùng học, đoàn kết không tranh cãi, cùng xây dựng lẫn nhau, cùng giữ gìn đạo hạnh<sup>24</sup>.

“Lại nữa, Tỳ-kheo phải thương yêu tất cả côn trùng, cho đến đối với con trùng, con kiến, cũng phải thể hiện tâm từ. Đối với sự chết của

<sup>18</sup>. Lục trọng pháp 六重法, thường gọi là pháp Lục hòa, hay Sáu pháp hòa kính. Tham chiếu, No.1(10) *Trường A-hàm*, “10. Thập Thượng kinh” mục sáu thành pháp; Pāli: cha sārāṇīyā dhammā, sáu pháp khả niệm, cần ghi nhớ.

<sup>19</sup>. Hán: tu thân dĩ khởi từ tâm 修身以起慈心, nghĩa là, luôn luôn có thái độ hay cử từ ái đối với bạn đồng tu; Pāli: mettam kāyakammaṃ, thân hành từ, hay thân nghiệp từ ái.

<sup>20</sup>. Xem cht.22.

<sup>21</sup>. Tu khẩu thiện hành dĩ khởi từ tâm 修口善行以起慈心; Pāli: mettem vacīkammaṃ paccupaṭṭhāpentī, xử sự khẩu nghiệp từ hòa với bạn đồng tu.

<sup>22</sup>. Hán: vị sở kiến pháp tế 為所見法際; tham chiếu No.1(10) *Trường A-hàm* “10 Thập Thượng kinh” mục sáu thành pháp. Tham chiếu Pāli: labhā dhammikā dhamma-laddhā...

<sup>23</sup>. Nāéc xuaát chaùnh yeáu 得出正要; xuaát yeáu hay xuaát ly; Pāli: nissaraṇīya.

<sup>24</sup>. Nói về ý nghĩa của sáu trọng pháp, tham chiếu No.1(10): Danh viết trọng pháp, khả kính khả trọng, hòa hợp ư chúng, vô hữu tranh tụng, độc hành vô tạp 名曰重法可敬可重和合於眾無有諍訟獨行無雜; Pāli: ayam pi dhammo sārāṇīyo piyakaraṇo garukaraṇo saṅgahāya avivādāya.

con người phải nên buồn thương. Kẻ ấy được làm người, nếu không hiểu biết về đạo thì chỉ khiến cả nhà khóc lóc, cũng chẳng rõ khi chết rồi, thần thức đi về đâu? Chỉ có người đắc đạo mới có thể biết được việc ấy. Đức Phật vì mọi người cho nên mới giảng giải rõ trong kinh pháp. Vậy kinh không thể không học, đạo không thể không hành. Trong thiên hạ có nhiều đạo, chỉ có Vương đạo là lớn. Phật đạo như thế là tối thượng. Ví như vài mươi người cùng nhau bắn vào một cái đích, có người bắn trúng trước, có người bắn trúng sau, cứ bắn liên tục không dừng nghỉ thì chắc chắn sẽ trúng đích.

“Lại như các dòng nước trong trời đất luôn chảy không ngừng, thủy đều đổ về biển. Tỳ-kheo cũng như vậy, hành đạo không ngừng nghỉ, sẽ đạt được giải thoát.

“Đúng như giáo pháp của Đức Phật mà cùng tôn kính cúng dường lẫn nhau. Tụng đọc lời Phật dạy; tùy thời mà khuyên bảo nhau. Bốn chúng đệ tử chỉ dạy lẫn nhau. Như vậy kinh giáo của Phật có thể được tồn tại lâu dài.

Bấy giờ, Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến xóm Ba-liên-phát<sup>25</sup>. Hiền giả liền vâng lời. Đức Phật thu xếp y bát, đi qua thành Vương xá, mới được nửa đường, Ngài bỗng dừng chân nơi vườn vua<sup>26</sup>. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Tất cả hãy lắng nghe! Người hành đạo phải biết rõ về Bốn đế. Phàm người không biết rõ về Bốn đế nên mãi trôi lăn, qua lại trong sanh tử, chẳng khi nào dừng. Vì vậy, ta muốn mở mang tâm ý cho các người. Những gì là bốn?

“1. Biết khổ của khổ. Đó là chân đế.

“2. Khổ do tập mà sanh. Đó là chân đế.

“3. Sự diệt tận tập khởi của khổ. Đó là chân đế.

“4. Con đường đưa đến diệt tận tập khởi của khổ. Đó là chân đế.<sup>27</sup>

“Đối với khổ mà không nhận biết rõ nên mãi trôi giạt mãi trong nẻo sanh tử không dừng. Vậy nên phải biết rõ về khổ đế. Khổ: sanh là

<sup>25</sup>. Ba-liên-phát áp 巴連弗邑; No.1(2) sdd.: Ba-lăng-phát thành Pāli: Pāṭaliputta.

<sup>26</sup>. Vương viên 王園; No.1(2) sdd.: Trúc viên; Pāli: Veḷuvana. Khu rừng trúc nổi tiếng ở Ma-kiệt-đà (Magadha).

<sup>27</sup>. Bốn thánh đế: 1, Tri khổ khổ 知苦苦; 2. Khổ do tập sanh 苦由習生; 3. Khổ tập tận diệt 苦習盡滅; 4. Khổ tập tận thọ đạo 苦習盡受道.

khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, ưu sầu buồn bực là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, mong cầu mà chẳng đạt được là khổ. Nói tóm lại, năm thịnh ảm là khổ<sup>28</sup>.

“Đã biết rõ về khổ như vậy rồi thì có thể đoạn trừ tập khởi tức là ái. Đó gọi là được con mắt<sup>29</sup>, cho đến hết đời này về sau không còn khổ nữa. Bởi vì tập là do từ ái; đạo đế là con đường đưa đến diệt tận tập khởi của khổ; có con mắt để thấy pháp, chứng pháp, sự sanh đã dứt, đời sau không còn thọ sanh. Đã thấy chân đế liền đạt được đạo nhãn, không còn trở lại nẻo sanh tử, con đường dài ấy đã vĩnh viễn chấm dứt. Như vậy, này Tỳ-kheo, lại còn phải biết là đạo có được tám hạnh<sup>30</sup>. Những gì là tám?

“1. Chuyên tâm thọ trì kinh pháp của Phật.

“2. Bỏ ái dục, không tranh cãi với thế gian.

“3. Trọn đời không làm các việc sát sinh, trộm cắp, dâm dục.

“4. Không được lừa dối, dua nịnh, chửi mắng.

“5. Không được ganh ghét, tham lam, keo kiệt, bất tín.

“6. Nhớ nghĩ đến sự vô thường, khổ, không, vô ngã<sup>31</sup>.

“7. Quán trong thân người toàn là các thứ xú uế, dơ nhớp.

“8. Không tham đắm về thân mạng, biết rằng cuối cùng là trở về với đất bụi.

“Các vị Phật thời quá khứ đều thấy rõ về Bốn đế này. Các vị Phật thời vị lai cũng thấy rõ Bốn đế ấy. Những ai tham luyện việc ân ái, nhà cửa, cùng ưa thích về tuổi thọ, vinh hoa phú quý của thế gian, cuối cùng không thể đạt được giải thoát. Đạo do tâm sanh. Tâm thanh tịnh thì đạt được đạo. Tiếp theo, giữ tâm đoạn chánh, không phạm năm giới sẽ được sanh lên cõi Trời. Thứ nữa là tin đạo, thích học kinh pháp, về sau có thể được làm người. Nếu muốn đoạn tuyệt các cõi ác là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ thì phải nhất tâm phụng hành kinh giới.

<sup>28</sup>. Ngũ thịnh ảm khổ 五盛陰苦: năm thịnh ảm tức năm thủ uẩn (Pāli: pañca upādānakkhamdhā).

<sup>29</sup>. Hán: đắc nhãn 得眼, tức có được con mắt thấy pháp; Pāli: dhamma-cakkhum paṭilabhati.

<sup>30</sup>. Bát hạnh 八行. Chính xác phải là tám chi (Pāli: aṭṭhaṅgika), nhưng nội dung được nêu trong đây không cùng nội dung với tám chi thường được biết.

<sup>31</sup>. Nguyên Hán: phi thân 非身.

“Nay Phật vì mọi người trong thế gian, khiến họ giải thoát khỏi sanh tử, nên khai mở chánh đạo. Những người muốn học đạo cần phải suy tư đúng đắn.”

Phật cùng Hiền giả A-nan trước tiên đến Ba-liên-phất, dừng chân bên một gốc cây thần<sup>32</sup> ở ngoài thành. Các Phạm chí, cư sĩ nghe tin Đức Phật cùng các đệ tử đến, họ đều ra ngoài thành, muốn đến để được gặp và cúng dường Đức Phật. Có người mang chiếu, có người mang nệm, có người mang nước và xách đèn cùng đi tới chỗ Đức Phật, cung kính đánh lễ rồi đứng qua một bên. Đức Phật nói với các Phạm chí, cư sĩ:

“Con người ở thế gian, ham muốn dục lạc, tâm ý buông lung thì có năm điều hao tổn:

“1. Tự mình phóng túng, tài sản ngày một giảm.

“2. Tự mình phóng túng làm nguy hại đến thân, mất đạo.

“3. Tự mình phóng túng nên mọi người không kính nể, lúc chết phải hối hận.

**“4. Tự mình phóng túng bị nhơ danh, gây tiếng xấu, thiên hạ đều nghe.**

“5. Tự mình phóng túng, khi chết thần thức bị đọa vào ba đường ác.

“Nếu ai hàng phục được tâm, không phóng túng thì có đầy đủ năm điều phước đức:

“1. Tự mình biết kiềm chế, giữ gìn thì tài sản ngày một tăng.

“2. Tự mình biết kiềm chế, giữ gìn thì được gần với ý đạo.

“3. Tự mình biết kiềm chế, giữ gìn thì mọi người kính yêu, khi chết không hối hận.

“4. Tự mình biết kiềm chế, giữ gìn thì được tiếng tốt, danh thơm, mọi người đều biết.

“5. Tự mình biết kiềm chế, giữ gìn thì khi chết thần thức được sanh lên cõi trời, cảnh giới phước đức.

“Người tự mình không buông lung thì có năm điều thiện ấy, phải luôn nhớ nghĩ.”

Đức Phật vì mọi người thuyết pháp, giáo hóa họ theo con đường

---

<sup>32</sup>. Hán: Thần thọ 神樹; No.1(2), Phật ngồi dưới gốc cây Ba-lăng-phất (Pāli: Pāṭala) ở ngoài thành.

chánh, cùng với pháp yếu, khiến ai nấy đều hoan hỷ. Những người nghe cùng đến trước đánh lễ nơi chân Phật, nhiều quanh ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ Đức Phật đi đến xóm A-vệ<sup>33</sup>, ngồi cạnh một gốc cây, dùng tâm thần diệu cùng mắt đạo xem thấy chư Thiên nơi cõi trời đang sai khiến hiền thần lo bảo vệ vùng đất này.

Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, cúi lạy Đức Phật rồi đứng qua một bên. Đức Phật hỏi Hiền giả A-nan:

“Ai lo liệu công việc xây cất thành quách nơi Ba-liên-phất này?”

Thưa:

“Đó là do đại thần Vũ-xá của nước Ma-kiệt xây cất, nhằm ngăn chặn sự xâm phạm của nước Việt-kỳ.”

Đức Phật dạy:

“Lành thay! Lành thay! Vũ-xá là vị quan hiền mới biết lo tính như vậy. Ta thấy các vị trời thần diệu ở cõi trời Đao-lợi cùng nhau hộ trì đất này. Đất đai nào được Thiên thần bảo vệ, thì đã an ổn mà lại sang quý. Lại nữa, cuộc đất này nằm trong phạm vi gần gũi với cõi trời. Vị thần chủ đất này là Nhân Ý<sup>34</sup> luôn hộ trì nước này được tồn tại lâu dài và càng tăng trưởng hơn nữa. Chắc chắn xứ này có nhiều bậc Thánh hiền, nhân trí, hào kiệt hơn các nước khác, cho nên cũng không thể phá hoại được. Thành này về lâu sau, như khi muốn phá hoại phải có ba nguyên nhân: Một, lửa lớn. Hai, nước lớn. Ba, người trong nước và bên ngoài cùng âm mưu với nhau thì mới có thể phá hoại được.”

Vũ-xá nghe Đức Phật cùng chúng đệ tử đi đến nơi đây, liền nường oai của vua, sửa soạn năm trăm cỗ xe, ra khỏi thành nhằm đến yết kiến, cúng dường Đức Phật. Khi tới nơi, Vũ-xá liền xuống xe, đi bộ vào cửa của khu vườn, trông thấy Phật hoan hỷ, sắc diện khiêm cung, từ tốn, khí sắc đáng tôn quý, Vũ-xá liền vái chào đúng lễ nghi rồi đứng qua một bên. Đức Phật giảng nói pháp cho ông nghe, giáo hóa theo lẽ chánh, cùng với nhiều pháp yếu. Ông Vũ-xá vui mừng, bèn rời khỏi chỗ ngồi mà bạch rằng:

“Con muốn dâng cúng một bữa ăn nhỏ<sup>35</sup>, cúi mong Ngài cùng Thánh chúng đồng hạ cố.”

<sup>33</sup>. A-vệ tụ 阿衛聚. Không rõ địa danh này.

<sup>34</sup>. Nhân ý 人意 (?)

<sup>35</sup>. Nguyên Hán: vi thực 微食.

Đức Phật liền im lặng nhận lời.

Ông liền đứng dậy đánh lễ Đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi trở về. Đại thân trở về nhà rồi, suốt cả đêm lo sắm đủ các thứ đồ ăn thức uống ngon, bổ, lại sửa sang phòng ốc, bên trong đặt ghế ngồi. Sáng sớm, ông đi đến bạch Đức Phật:

“Trai phạn đã chuẩn bị xong, cúi mong Đức Phật biết cho.”